

Số: 11/2025/QĐST-DS

Phú Xuân, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 187/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Chiêu T, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Nhật U, sinh năm: 2001 (theo Giấy ủy quyền ngày 27/6/2024).

Bị đơn: Ông Lê Chiêu Tr, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 70 An Ninh, phường H, quận P, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng Nh, sinh năm: 1999 (theo Giấy ủy quyền ngày 28/6/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H, sinh năm: 1963; địa chỉ: 74 Nguyễn Hữu Nhật, phường H, quận P, thành phố H.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố Châm, phường L, quận P, thành phố H.

- Ông Lê Chiêu H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố Châm, phường L, quận P, thành phố H.

- Bà Lê Thị L1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Long Hồ Thượng 2, phường L, quận P, thành phố H.

- Ông Lê Chiêu D, sinh năm 1977; địa chỉ: Buôn Ko Siêr, T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố Nham Biều, phường L, quận P, thành phố H.

- Ông Lê Chiêu Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Châm, phường L, quận P, thành phố H.

- Ông Lê Chiêu L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố Châm, phường L, quận P, thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: 70 An Ninh, phường H, quận P, thành phố H.

- Ông Lê Chiêu V, sinh năm 1983; địa chỉ: 70 An Ninh, phường H, quận P, thành phố H.

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: 40 Kiệt 73 Nguyễn Hoàng, phường H, quận P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông Lê Chiêu H, bà Lê Thị L1, ông Lê Chiêu D, bà Lê Thị H, ông Lê Chiêu Th, ông Lê Chiêu L, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Chiêu V, bà Phạm Thị M: Bà Phạm Thị Nhật U, sinh năm: 2001, địa chỉ: thôn Đồng Tâm, xã A, huyện H, tỉnh Q.

- Cháu Ngô Văn C, sinh ngày 18/7/2012; địa chỉ: 40 Kiệt 73 Nguyễn Hoàng, phường H, quận P, thành phố H.

- Cháu Ngô Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2014; địa chỉ: 40 Kiệt 73 Nguyễn Hoàng, phường H, quận P, thành phố H.

Cháu Ngô Văn C và Ngô Thị Thanh H có đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị M, là mẹ đẻ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Chiêu X (Lê X) và bà Võ Thị C là ông Lê Chiêu P, đã chết 2002.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Chiêu P gồm có vợ là bà Nguyễn Thị B, đã chết năm 1990 và 07 (bảy) người con:

- Bà Lê Thị B1, sinh năm: 1945, đã chết vào ngày 24/8/2021, không có chồng, con;

- Bà Lê Thị N, sinh năm: 1949, đã chết vào ngày 05/6/2011, không có chồng, con;

- Ông Lê Chiêu T, sinh năm: 1949;

- Bà Lê Thị Kim C, sinh năm: 1957, đã chết vào ngày 18/02/2013. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Cúc gồm: ông Ngô B, sinh năm 1989, đã chết năm 2015 và ông Ngô Văn A, sinh năm: 1992, đã chết năm 2012. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Bình: bà Phạm Thị M, sinh năm: 1992; cháu Ngô Văn C, sinh năm: 2012; cháu Ngô Thị Thanh H, sinh năm: 2014;

- Ông Lê Chiêu M, sinh năm: 1940, đã chết năm: 2010. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Minh: bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1940, đã chết năm: 2010; bà Lê Thị L, sinh năm: 1969; ông Lê Chiêu H, sinh năm: 1971; bà Lê Thị L, sinh năm: 1972; ông Lê Chiêu D, sinh năm: 1977; bà Lê Thị H, sinh năm: 1977; ông Lê Chiêu Th, sinh năm: 1982; ông Lê Chiêu L, sinh năm: 1984.

- Ông Lê Chiêu V, sinh năm: 1958, đã chết năm: 2021. Hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm: bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959; ông Lê Chiêu V, sinh năm: 1983; ông Lê Chiêu Tr, sinh năm: 1985;

- Bà Lê Thị H, sinh năm: 1963.

2.2. Các bên thống nhất di sản thừa kế của ông Lê Chiêu X (Lê X) và bà Võ Thị C để lại là giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với nhà đất tại địa chỉ: Tổ 13, khu vực 3, phường H, thành phố H (nay là tổ 13, khu vực 3, phường H, quận P, thành phố H) diện tích 940,4m²; nhà ở có diện tích xây dựng 57,0m², diện tích sàn 57,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 356012, số vào sổ cấp GCN: CH/02188-2014 10-071 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 16/01/2014.

- Các bên thống nhất giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 356012, số vào sổ cấp GCN: CH/02188-2014 10-071 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 16/01/2014 theo kết quả thẩm định giá tại Biên bản thẩm định giá tài sản ngày 17/10/2024 như sau:

- + Giá đất ở theo đơn giá chuyển nhượng là 4.500.000 đồng/m²;
- + Giá đất nông nghiệp: 36.000 đồng/m²;
- + Giá nhà cấp 4 (ngôi nhà 57m²) là 3.298.000 đồng/m², chất lượng còn lại 40%.

2.3. Các bên thống nhất phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Lê Chiêu X (Lê X) và bà Võ Thị C (do ông X và bà C không để lại di chúc) như sau:

Các bên thống nhất phân di sản ông Lê Chiêu P được thừa kế của Lê Chiêu X (Lê X) và bà Võ Thị C được chia thành 04 phần tương đương với 04 vị trí cụ thể như sau:

- Vị trí khu I (thửa đất 107 - 1): Các đồng thừa kế thống nhất giao cho bà Phạm Thị M, cháu Ngô Thị Thanh H, cháu Ngô Văn C đồng quản lý và sử dụng với diện tích nhà đất là 147,2m², trong đó có 100m² đất ở; 47,2m² đất nông nghiệp. Trên đất có nhà ở có diện tích 65,5m² thuộc nhà cấp II, 01 tầng, có kết cấu tường xây bờ lô, mái lợp tôn, nền lát gạch men do bà Phạm Thị M xây dựng, quản lý, sử dụng.

- Vị trí khu II (thửa đất 107 - 2): Các đồng thừa kế thống nhất dành khu vực này để xây dựng nhà thờ với diện tích đất là 149,1m² trong đó có 147,9m² đất ở; 1,2m² đất nông nghiệp, giao cho ông Lê Chiêu T và Lê Chiêu H đồng quản lý và sử dụng phần đất này.

- Vị trí khu III (thửa đất 107 - 3): Các đồng thừa kế đồng ý giao cho ông Lê Chiêu Tr quản lý và sử dụng với diện tích nhà đất là 139,7m² đất ở. Trên đất có nhà

ở có diện tích 94,5m² thuộc nhà cấp II, 01 tầng, có kết cấu tường xây bờ lóc, mái lợp tôn, nền lát gạch men do ông Lê Chiêu Tr quản lý, sử dụng.

- Vị trí khu IV (thửa đất 107 - 4): Các đồng thừa kế thống nhất giao cho ông Lê Chiêu T quản lý và sử dụng với diện tích nhà đất là 504,4m² đất ở, nhà ở thuộc nhóm nhà cấp IV, 01 tầng, có kết cấu tường xây bờ lóc, mái lợp tôn, nền xi măng, có diện tích xây dựng 57m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 356 012, sổ vào sổ cấp GCN : CH/02188-2014 10 - 071 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 16/01/2014 cho ông Lê Chiêu V là người đại diện của những người được thừa kế.

Vị trí các khu I, II, III, IV nêu trên được xác định cụ thể vào Sơ đồ phân chia thửa đất. Toàn bộ Sơ đồ phân chia thửa đất được các bên thống nhất nội dung, ký hiệu vị trí các phần nhà, đất của từng khu và cùng ký tên xác nhận lên Sơ đồ. Toàn bộ Sơ đồ là một phần không tách rời của Quyết định này. Trường hợp quá trình cấm mốc, làm giấy tờ, tách thửa ...vv mà phát sinh thêm bản vẽ thì không làm thay đổi vị trí đất của từng người đã phân chia theo Sơ đồ nêu trên.

Trong trường hợp không làm thủ tục chuyển mục đích, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thì các bên làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế, cập nhật quyền sử dụng đất theo hình thức cập nhật giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các đồng thừa kế nhưng mỗi bên vẫn được quyền sử dụng đối với lô đất đã nhận được theo thỏa thuận các khu nêu trên.

2.4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Chiêu T tự nguyện chịu các chi phí tố tụng, ông Lê Chiêu T đã đóng và đã nộp đủ, không yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.5.1. Bà Phạm Thị M, cháu Ngô Thị Thanh H, cháu Ngô Văn C phải chịu án phí sơ thẩm là 11.033.000đ (mười một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tuy nhiên, bà M, cháu H, cháu C thuộc hộ cận nghèo và đã có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

2.5.2. Ông Lê Chiêu T và ông Lê Chiêu H phải chịu án phí sơ thẩm là 15.311.000đ (mười lăm triệu ba trăm mười một nghìn đồng), mỗi người phải chịu 7.655.500đ (bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên, ông Lê Chiêu T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Anh Lê Chiêu H phải chịu án phí sơ thẩm là 7.655.500đ (bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng), làm tròn.

2.5.3. Ông Lê Chiêu Tr phải chịu án phí sơ thẩm là 14.573.000đ (mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Tuy nhiên, ông Lê Chiêu Tr thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

2.5.4. Ông Lê Chiêu T phải chịu án phí sơ thẩm nhà và đất theo kỹ phân được nhận là 39.450.000đ (ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy

nhiên, ông Lê Chiêu T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Phú Xuân;
- Chi cục THADS quận Phú Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng

